

ĐẦU TƯ CỦA SINGAPORE TẠI VIỆT NAM SAU HƠN 20 NĂM NHÌN LẠI (1995 - 2016)

PHAN THỊ THOA*

Tóm tắt: Kể từ khi Việt Nam trở thành thành viên chính thức của Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) vào tháng 7/1995, quan hệ hợp tác đầu tư giữa Việt Nam và Singapore đã có bước chuyển biến mới. Hiện nay Singapore là quốc gia dẫn đầu trong số các nước ASEAN đầu tư tại Việt Nam. Các sự án đầu tư của Singapore đã góp phần quan trọng trong việc giải quyết việc làm, thúc đẩy tăng trưởng, cải thiện thu nhập, nâng cao mức sống cho một bộ phận người dân Việt Nam. Trên cơ sở nghiên cứu quá trình đầu tư của Singapore tại Việt Nam trong hơn 20 năm (1995-2016), bài viết nêu bật những thành tựu đồng thời chỉ ra một số thách thức và dự báo triển vọng của mối quan hệ hợp tác đầu tư giữa hai nước trong thời gian tới.

Từ khóa: Hợp tác đầu tư; Singapore; Việt Nam.

Đặt vấn đề

Singapore là một quốc gia - thành phố nhỏ bé, với diện tích vền vẹn 697 km², dân số khoảng 5,5 triệu người (năm 2015), dường như không có tài nguyên gì, nhưng hiện nay là một trong những quốc gia phát triển hàng đầu châu Á và thế giới với các ngành công nghiệp hiện đại như: cảng biển, đóng và sửa chữa tàu thủy, lọc dầu, chế biến, lắp ráp máy móc tinh vi, công nghệ sinh học, v.v. Singapore cũng nổi tiếng với các ngành dịch vụ, giáo dục, y tế, tài chính-ngân hàng... Ngày nay, nền kinh tế Singapore đã kết nối chặt chẽ với mạng lưới kinh tế toàn cầu. GDP (PPP) bình

quân đầu người của Singapore năm 2015 đạt khoảng 85.300 USD, đứng thứ ba trên thế giới (chỉ sau Qatar, Luxembuorg) và vượt qua nhiều các quốc gia hàng đầu của Châu Âu.

Cùng nằm trong khu vực Đông Nam Á, quan hệ giữa Việt Nam và Singapore đã trải qua nhiều thăng trầm. Đến những năm đầu thập niên 80 của thế kỷ XX, mối quan hệ giữa hai nước mới trở nên gắn bó trước hết và chủ yếu là thông qua việc trao đổi hàng hoá. Kể từ khi Việt Nam gia nhập ASEAN (1995), quan hệ Việt Nam - Singapore mới trở nên khăng khít. Năm 2013, hai nước đã nâng cấp mối quan hệ

* TS. Phan Thị Thoa, Học viện Tài chính, Hà Nội

song phương lên tầm đối tác chiến lược.

Với sự gắn gũi về địa lý, sự am hiểu về môi trường và tập quán kinh doanh, đặc biệt kể từ khi Việt Nam thực hiện công cuộc đổi mới kinh tế toàn diện, môi trường kinh tế vĩ mô của Việt Nam ngày càng ổn định... đã tạo nên sức hút lớn đối với các nhà đầu tư Singapore trong việc lựa chọn Việt Nam như là một trong những điểm đến của công cuộc kinh doanh. Bài viết này nhìn lại quá trình hợp tác đầu tư trong hơn 20 năm (1995-2016) giữa hai nước nhằm giúp chúng ta có cái nhìn đầy đủ và toàn diện về mối quan hệ này, từ đó góp phần dự báo triển vọng hợp tác đầu tư giữa hai nước trong thời gian tới.

1. Đầu tư của Singapore tại Việt Nam giai đoạn 1995-2004

Thực thiện đường lối đổi mới đất nước sau Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI (1986), tháng 12/1987, Việt Nam đã thông qua *Luật đầu tư nước ngoài*. Đây là cột mốc quan trọng mở ra triển vọng to lớn cho Việt Nam trong thu hút vốn đầu tư nước ngoài (FDI) để phát triển đất nước.

Trước cơ hội trên, Singapore đã khuyến khích các công ty của nước mình đến tìm kiếm cơ hội đầu tư, kinh doanh tại Việt Nam ở những lĩnh vực mà họ có lợi thế cạnh tranh. Ngay từ đầu thập niên 90 của thế kỷ XX, Việt Nam và Singapore đã ký các hiệp định hợp tác trên nhiều lĩnh vực từ hàng hải, thương mại, vận chuyển hàng không, bảo hộ đầu tư, du lịch... Phía Việt Nam đã dành ưu tiên cho những dự án đầu tư có hiệu quả từ Singapore, dựa trên lợi ích của hai bên và phù hợp với chiến lược phát triển kinh tế lâu dài của Việt Nam. Tuy nhiên, trong thời gian này, các dự án đầu

tư của Singapore triển khai ở Việt Nam vẫn còn khiêm tốn, chủ yếu mang tính chất thăm dò, tìm hiểu thị trường là chính và chưa tương xứng với tiềm năng kinh tế của hai bên. Tuy nhiên, đây là tiền đề quan trọng thúc đẩy sự hợp tác ngày càng sâu rộng hơn giữa hai bên khi Việt Nam chính thức gia nhập ASEAN vào tháng 7/1995.

Chỉ trong một thời gian rất ngắn kể từ khi Việt Nam chính thức gia nhập ASEAN (tháng 7/1995), đến tháng 12/1995, Singapore đã có 116 dự án đầu tư với số vốn đăng ký đạt 1,5 tỷ USD, xếp thứ 1 trong số các nước ASEAN và đứng thứ 4 trong tổng số vốn FDI đầu tư tại Việt Nam tại thời điểm đó. Tuy nhiên, quy mô các dự án đầu tư của Singapore còn rất khiêm tốn, trung bình một dự án chỉ vào khoảng từ 1 đến 1,5 triệu USD, tập trung vào các ngành công nghiệp thay thế nhập khẩu, các ngành công nghiệp chế biến nông, lâm, thủy sản⁽¹⁾. Những dự án có quy mô vốn lớn, kỹ thuật hiện đại trong các lĩnh vực khai thác dầu khí, viễn thông, điện tử tin học... mà Việt Nam kỳ vọng ở Singapore cho đến lúc này vẫn còn vắng bóng, mà chủ yếu là do các nhà đầu tư ở các nước châu Âu, Nhật Bản hoặc một số nước và vùng lãnh thổ ở khu vực Đông Á chiếm lĩnh.

Sau khi Việt Nam thực hiện các cam kết tham gia AFTA, nguồn FDI từ Singapore đổ vào Việt Nam có xu hướng tăng mạnh nhằm chuyển dịch một số ngành sản xuất sử dụng nhiều lao động sang thị trường mới. Singapore có tiềm lực về vốn và công nghệ nhưng thiếu tài nguyên và lao động, trong khi đó Việt Nam là nước đang tiến hành công nghiệp hóa nên cần thu hút vốn, công nghệ để phát huy nguồn lực về tài nguyên và lao động giá rẻ. Thực tế cho thấy, từ năm 1996 đến tháng 6/1997, tốc độ

thu hút FDI của Việt Nam đã tăng lên nhanh chóng, trong đó Singapore vẫn là nước đứng đầu ASEAN và đứng thứ 5 trong số các quốc gia đầu tư vào Việt Nam.

Từ cuối 1997 trở đi, cuộc khủng hoảng tài chính tiền tệ châu Á không chỉ gây thiệt hại cho một số nước ASEAN như Thái Lan, Indonesia, Malaysia... mà còn làm cho dòng FDI vào Việt Nam giảm mạnh. Dù đây cũng là năm Việt Nam thực hiện Luật đầu tư sửa đổi, bổ sung nhưng tình hình thu hút đầu tư nói chung và vốn từ Singapore nói riêng cũng không nằm ngoài xu thế chung đó. Tuy nhiên, đến hết năm 1997, Singapore vẫn giữ vị trí đứng đầu với 263 dự án với 7,2 tỷ USD vốn đăng ký trong tổng số 409 dự án của các nước ASEAN đầu tư Vào Việt Nam.

Vào nửa sau năm 2000, cùng với sự hồi phục kinh tế của các nước sau khủng hoảng tài chính tiền tệ, đầu tư của Singapore và các nước ASEAN vào Việt Nam có dấu hiệu phục hồi, tuy chưa mạnh. Để cải thiện tình hình này, tháng 3/2003, *Sáng kiến chung Việt Nam - Singapore* về hợp tác đầu tư đã ra đời với *Biên bản ghi nhớ về hợp tác đầu tư* được ký kết tháng 10/2003 nhằm mục tiêu xúc tiến và thúc đẩy đầu tư trực tiếp từ nước thứ ba vào Việt Nam và Singapore đồng thời nâng cao sức cạnh tranh và lợi thế của mỗi nước; theo đó, hai bên thỏa thuận thành lập *Ban chỉ đạo* chung và *Nhóm công tác* để triển khai sáng kiến trên. Đây là một hình thức xúc tiến đầu tư mới theo đó hai bên cùng thống nhất lựa chọn những dự án trong các lĩnh vực ưu tiên. Sáng kiến này tỏ ra có hiệu quả và cứ 6 tháng một lần, *Ban chỉ đạo* lại họp để kiểm điểm tình hình thực hiện sáng kiến.

Trong chuyến thăm làm việc của Thủ

tướng Phan Văn Khải tại Singapore vào tháng 3/2004, hai bên đã nhất trí đưa ra sáng kiến mới, đó là việc kết nối hai nền kinh tế nhằm phát huy thế mạnh của mỗi nước. Singapore có cơ sở hạ tầng hiện đại, hệ thống dịch vụ và hậu cần chất lượng cao đạt tiêu chuẩn quốc tế, có vốn, kỹ thuật và kinh nghiệm quản lý, là nơi đặt trụ sở của 9.000 công ty đa quốc gia và được kết nối toàn cầu. Việt Nam có thế mạnh về điều kiện tự nhiên, nguồn nhân lực dồi dào, thị trường rộng lớn. Để phát triển nhanh, Việt Nam cần tận dụng những thế mạnh của Singapore. Sau khi được kết nối, hai nền kinh tế có điều kiện tốt nhất để thu hút đầu tư nước ngoài.

Để thúc đẩy hơn nữa hoạt động đầu tư, thương mại tại Việt Nam và hỗ trợ đặc lực cho các doanh nghiệp, Singapore đã mở nhiều văn phòng đại diện chức năng tại TP. Hồ Chí Minh. Năm 2004, nhận thấy cơ hội đầu tư trong quá trình cổ phần hóa các doanh nghiệp nhà nước của Việt Nam, Tập đoàn tài chính Temasek Holdings đã mở văn phòng đại diện tại TP. Hồ Chí Minh. Tháng 3/2005, được sự hỗ trợ của Ban Quốc tế doanh nghiệp Singapore, TP. Hồ Chí Minh đã khai trương Nhà Việt Nam (Vietnam House) tại Singapore nhằm giúp đỡ các doanh nghiệp ở các tỉnh phía Nam thâm nhập thị trường Singapore và thu hút các công ty Singapore đầu tư kinh doanh tại Việt Nam.

Với những nỗ lực trên đây, FDI từ Singapore vào Việt Nam tiếp tục tăng mạnh. Tính đến cuối năm 2004, trong số 8 quốc gia ASEAN đầu tư vào Việt Nam, Singapore là nước dẫn đầu với 324 dự án (trong tổng số 642 dự án) với số vốn đăng ký đạt gần 8 tỷ USD (Xem Bảng 1).

Vốn đầu tư của Singapore trải đều trong nhiều lĩnh vực của nền kinh tế Việt Nam trong đó tập trung nhiều vào các lĩnh vực như: cơ sở hạ tầng, dịch vụ, bất động sản...và tập trung chủ yếu ở TP. Hồ Chí Minh, Hà Nội, Bình Dương, v.v. Một điều đáng lưu ý là: (i) các tập đoàn lớn của Singapore đều có dự án đầu tư ở Việt Nam; (ii) đa số các dự án đều có quy mô và vốn lớn với định hướng đầu tư khá rõ ràng, từ dịch vụ du lịch, khách sạn đến sản xuất và (iii) chú trọng nhiều đến dịch vụ viễn thông, hậu cần (logistics), ngân hàng và tài chính, phù hợp với tiến trình mở cửa và cải cách kinh tế của Việt Nam.

Nhìn chung, trong giai đoạn 1995-2004, các dự án đầu tư của Singapore tại Việt Nam hoạt động khá hiệu quả, đóng góp thiết thực vào việc giải quyết việc làm, xuất khẩu và tăng trưởng kinh tế của Việt Nam, trong đó Khu Công nghiệp Việt Nam - Singapore, được coi là biểu tượng, thể

hiện sinh động hiệu quả hợp tác đầu tư của Singapore tại Việt Nam. Khu công nghiệp Việt Nam - Singapore (VSIP) mở đầu là Khu công nghiệp Việt Nam - Singapore I (VSIP I) có diện tích 500 ha thành lập năm 1996 tại tỉnh Bình Dương. Sau gần 10 năm phát triển, VSIP được đánh giá là dự án thành công nhất trong quan hệ hợp tác kinh tế giữa hai nước và là một trong những khu công nghiệp thành công nhất mà Singapore hợp tác xây dựng ở nước ngoài. Thành công của VSIP là biểu tượng của sự hợp tác và tình hữu nghị giữa Việt Nam và Singapore. Cho đến tháng 12/2004, VSIP đã thu hút được 235 dự án với số vốn đạt 1,5 tỷ USD và sử dụng tới 40.000 lao động.

2. Đầu tư của Singapore tại Việt Nam giai đoạn 2005 - 2016

Sau hơn một năm đàm phán, ngày

Bảng 1: Các dự án FDI của các nước ASEAN đầu tư vào Việt Nam (1995-2004)

Nước, vùng lãnh thổ	Số dự án	Tổng vốn đầu tư (USD)	Vốn pháp định (USD)	Đầu tư thực hiện (USD)
Singapore	324	7.981.158.422	2.670.274.424	3.264.788.729
Thái Lan	116	1.381.489.492	468.366.046	635.004.348
Malaysia	158	1.251.321.949	598.013.518	799.110.669
Philippine	20	228.123.899	115.057.446	85.470.734
Indonesia	12	123.052.000	68.385.600	127.028.864
Lào	6	16.053.528	10.323.527	5.478.527
Brunei	3	5.400.000	1.800.000	-
Campuchia	3	1.000.000	590.000	400.000
Tổng số	642	10.987.599.290	3.932.810.561	4.917.281.871

Nguồn: Số liệu thống kê của Cục Đầu tư nước ngoài, Bộ Kế hoạch và Đầu tư (2005).

05/12/2005, *Hiệp định Khung kết nối Việt Nam - Singapore* đã được đại diện hai chính phủ ký kết tại Singapore. Hiệp định bao gồm 6 lĩnh vực kết nối, đó là đầu tư; thương mại và dịch vụ; công nghệ thông tin - truyền thông; tài chính; giao thông; giáo dục đào tạo. Hiệp định khung không chỉ nhằm tăng cường quan hệ kinh tế mà còn mang ý nghĩa lịch sử, củng cố hơn nữa quan hệ giữa Việt Nam và Singapore, đồng thời tác động đến cả khu vực. Đối với Việt Nam, Hiệp định này đã tạo điều kiện cho Việt Nam đẩy nhanh quá trình hội nhập và duy trì mức tăng trưởng khá cao và bền vững.

Kể từ khi Hiệp định khung kết nối kinh tế hai nước ra đời, theo sau là một loạt các thỏa thuận được ký kết, nhờ đó cơ hội thúc đẩy đầu tư giữa Việt Nam và Singapore ngày càng được mở rộng trên cả phương diện hợp tác song phương và đa phương. Trong những năm 2006-2008, FDI của Singapore vào Việt Nam tăng nhanh, với 271/566 dự án của các nước ASEAN đầu tư vào Việt Nam với số vốn đạt 9,8 tỷ USD trong tổng số 23,3 tỷ USD, chiếm 47,8% tổng số dự án và 42% tổng vốn đầu tư của cả khối ASEAN trong giai đoạn này. Để phù hợp với tình hình mới, năm 2008, Việt Nam và Singapore đã triển khai việc điều chỉnh cơ chế “chấp thuận nhanh trong cấp Giấy chứng nhận đầu tư” được ký kết giữa Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Cơ quan Phát triển kinh tế Singapore (EDB)⁽²⁾.

Sau thời kỳ đỉnh cao trong việc thu hút đầu tư vào những năm 2006-2008, cuộc khủng hoảng tài chính và suy thoái kinh tế toàn cầu bắt nguồn từ cuộc khủng hoảng tài chính tại Mỹ (2008) đã tác động mạnh đến nền kinh tế thế giới trong đó có việc thu hút FDI vào Việt Nam. Trước tình thế khó khăn chung, vốn đầu tư từ Singapore

vào Việt Nam có suy giảm nhưng nước này vẫn giữ vị trí số một trong số các nước ASEAN. Tính đến 31/12/2009, Singapore có 758 dự án còn hiệu lực tại Việt Nam với số vốn đăng ký đạt 17 tỷ USD, đứng đầu ASEAN và đứng thứ 2 trong số 79 quốc gia và vùng lãnh thổ có vốn đầu tư tại Việt Nam tại thời điểm đó. Năm 2010, Việt Nam và Singapore tiếp tục ký nhiều thỏa thuận hợp tác quan trọng giữa hai nước, như *Thỏa thuận liên doanh* giữa Tập đoàn Capitaland Việt Nam và Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển cơ sở hạ tầng Hoàng Thành để xây dựng dự án khu dân cư mới với 960 căn hộ trên diện tích 1,37 ha tại Hà Đông, Hà Nội với tổng vốn đầu tư đạt 170 triệu USD. Công ty EOC Ltd. và Tổng công ty Cổ phần vận tải Dầu khí (PV Trans) ký thỏa thuận hợp tác nhằm thành lập liên doanh cung cấp các dịch vụ quản lý và điều hành cho tàu chứa dầu thô (FPSO) trong dự án dầu khí Chim Sáo với trị giá 1 tỷ USD. Công ty KLL Strategic Holding của Tập đoàn Keppel Land đã ký với Công ty TNHH Tiến Phước Thỏa thuận thành lập liên doanh nhằm phát triển dự án khu dân cư thân thiện với môi trường tại TP. Hồ Chí Minh theo tiêu chí “*Nhân hiệu xanh - Tiêu chuẩn vàng của Singapore*”, v.v.

Từ năm 2013 tới nay, đầu tư của Singapore tại Việt Nam tiếp tục được cải thiện và theo hướng ổn định hơn. Tính đến hết tháng 6/2016, Singapore xếp thứ 3/114 quốc gia và vùng lãnh thổ có dự án đầu tư tại Việt Nam với 1.643 dự án còn hiệu lực, có tổng vốn đầu tư đạt gần 38 tỷ USD chỉ xếp sau Hàn Quốc và Nhật Bản (so với số dự án và số vốn tương ứng của Hàn Quốc là 5.364 dự án và 48,6 tỷ USD; Nhật Bản là 3.117 dự án và 39,8 tỷ USD). Trong 8 tháng

đầu năm 2016, Singapore có 127 dự án FDI được cấp mới và 59 lượt dự án tăng vốn, với tổng số vốn đăng ký cấp mới và vốn tăng thêm đạt hơn 1,675 tỷ USD, chiếm 60,5% tổng vốn đầu tư đăng ký của các nước ASEAN tại Việt Nam (xếp thứ tự theo sau lần lượt là: Thái Lan: 414 triệu USD, chiếm 14,9%; Malaysia: 376,7 triệu USD, chiếm 13,6%; Brunei: 275 triệu USD, chiếm 9,9%; và một số ít dự án còn lại thuộc Indonesia, Lào và Campuchia). Trung bình quy mô vốn đầu tư của Singapore tại Việt Nam đạt khoảng 22,7 triệu USD/dự án, lớn hơn nhiều so với mức trung bình của các dự án FDI khác tại Việt Nam hiện nay (khoảng hơn 14 triệu USD/dự án), thậm chí gấp 2 đến 3 lần so với quy mô vốn bình quân mỗi dự án của một số quốc gia và vùng lãnh thổ khác như Hàn Quốc, Đài Loan, Hồng Kông, Malaysia⁽³⁾.

Dòng vốn FDI của Singapore đã chảy vào 18/21 ngành kinh tế của Việt Nam với nhiều lĩnh vực trọng điểm như: công nghiệp, xây dựng, viễn thông, khách sạn, dịch vụ và một số dự án lớn như xây dựng khu công nghiệp, nhà máy điện, nhà máy bia; trong đó, chủ yếu tập trung vào lĩnh vực công nghiệp chế biến, chế tạo với 494 dự án, có tổng vốn đăng ký 16,1 tỷ USD, chiếm 44,3% tổng vốn đầu tư của doanh nghiệp Singapore tại Việt Nam. Đứng thứ 2 là hoạt động kinh doanh bất động sản với 81 dự án, có tổng vốn đăng ký đạt 10,9 tỷ USD, chiếm 30% tổng số vốn đầu tư của doanh nghiệp Singapore tại Việt Nam⁽⁴⁾.

Thực tế cho thấy, các nhà đầu tư Singapore đang dành sự quan tâm lớn đến lĩnh vực xây dựng cơ sở hạ tầng của Việt Nam với một lượng vốn khá lớn đổ vào các dự án xây dựng các khu công nghiệp (KCN) và quần thể nhà ở, văn phòng, khách

sạn, v.v. Trong lĩnh vực này, nhiều nhà đầu tư Singapore đã thu được những thành công nhất định tại thị trường Việt Nam, điển hình là Công ty Liên doanh Khu công nghiệp Việt Nam-Singapore (VSIP) với 7 KCN VSIP được đầu tư tại 6 tỉnh, bao gồm: Bình Dương, Bắc Ninh, Hải Phòng, Quảng Ngãi, Hải Dương, Nghệ An; trong đó, KCN VSIP Nghệ An vừa được khởi công vào tháng 9/2015. Bên cạnh đó là Tập đoàn Keppel Land với tổng vốn đầu tư vào thị trường bất động sản Việt Nam hiện đạt hơn 3 tỷ USD với 16 dự án. Tại TP. Hồ Chí Minh, Keppel Land đang triển khai nhiều dự án có quy mô khá lớn như dự án xây dựng trung tâm mua sắm, khách sạn, căn hộ cho thuê đạt chuẩn quốc tế Saigon Centre, dự án nhà ở The Estella, Waterfront Condominium... Cũng phải kể đến những cái tên đình đám khác nữa của các nhà đầu tư Singapore tại Việt Nam là: CapitaLand, Banyan Tree, Allgreen Properties, Chip Eng Seng, GuocoLand, Ascott Group, Amara Holdings, v.v.

Ngoài các dự án với các công ty trên đây, các nhà đầu tư Singapore cũng rất quan tâm đến lĩnh vực giáo dục, y tế và giải trí. Có thể kể đến KinderWorld với một loạt các trường quốc tế ở nhiều tỉnh, thành trong cả nước và vẫn đang tiếp tục các kế hoạch đầu tư mới. Brookline Medical là nhà đầu tư nước ngoài sớm nhất đăng ký là đối tác chiến lược ngay khi Bệnh viện Giao thông Vận tải Trung ương - cơ sở khám chữa bệnh công lập đầu tiên - được chọn thí điểm cổ phần hóa.

Có thể thấy, những dự án mà Việt Nam ưu tiên kêu gọi và thu hút FDI đều là những ngành mà Singapore có thế mạnh, trong khi đó, đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp của Việt Nam thì vốn của Singapore còn khiêm

tốn do nông nghiệp không phải là thế mạnh của nước này và không mang lại lợi nhuận lớn như các ngành khác. Mặc dù vậy, các dự án đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp của Singapore tại Việt Nam cũng chỉ đứng sau Thái Lan trong số các nước ASEAN. Theo số liệu của Cục Đầu tư nước ngoài, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, hiện nay Thái Lan đứng đầu với 29 dự án, trị giá 477 triệu USD, chiếm 44% tổng vốn đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp Việt Nam từ các nước ASEAN; tiếp theo là Singapore với 28 dự án, trị giá 335 triệu USD, chiếm 30,8%; thứ ba là Malaysia với 18 dự án, trị giá 146 triệu USD, chiếm 13,4%, v.v.

Một điều đáng chú ý là trong giai đoạn từ 1995-2004, vốn đầu tư của Singapore tập trung chủ yếu vào các vùng kinh tế trọng điểm phía Bắc và phía Nam nơi có cơ sở hạ tầng kinh tế - kỹ thuật tương đối tốt và có cơ chế chính sách khá thông thoáng như: TP. Hồ Chí Minh, Đồng Nai, Bình Dương, Quảng Nam, Hà Nội, Bà Rịa - Vũng Tàu... Tuy nhiên, những năm gần đây địa bàn đầu tư của các doanh nghiệp Singapore tại Việt Nam đang dần trải rộng tại nhiều tỉnh thành khác như Nghệ An, Hà Tĩnh, Thái Nguyên, Bắc Ninh, Hải Phòng... Hiện nay, các nhà đầu tư Singapore đã đầu tư tại 46/63 tỉnh, thành phố của Việt Nam; tuy vậy, địa phương thu hút nhiều vốn FDI từ các doanh nghiệp Singapore vẫn là TP. Hồ Chí Minh với 799 dự án, có số vốn đăng ký đạt 9,75 tỷ USD, chiếm 26,7% tổng số vốn đăng ký tại Việt Nam; Hà Nội đứng thứ hai với 256 dự án và 4,65 tỷ USD, chiếm 12,8%; Quảng Nam đứng thứ ba với 6 dự án và hơn 4 tỷ USD vốn đăng ký, chiếm 11,3%⁽⁵⁾. Ngoài ra, các địa phương khác như Bắc Ninh, Đồng Nai, Quảng Ngãi, Thái Nguyên, Bà Rịa - Vũng Tàu... cũng là những

tỉnh/thành thu hút được nhiều dự án FDI từ Singapore trong thời gian qua. Nhìn chung khu vực phía Bắc thu hút được ít hơn so với các tỉnh thuộc khu vực phía Nam. Điều này có thể giải thích là do đặc thù về lợi thế của các vùng miền khác nhau trong thu hút đầu tư nước ngoài của Việt Nam.

Xét về hình thức đầu tư, có thể thấy rằng, trong thời gian đầu thực hiện Luật đầu tư nước ngoài ở Việt Nam, các nhà đầu tư Singapore chú trọng trước hết đến hình thức đầu tư liên doanh với các đối tác Việt Nam, tiếp đó mới tính đến hình thức dự án FDI 100% vốn nước ngoài, còn các dự án hợp doanh rất nhỏ. Điều này chứng tỏ, các nhà đầu tư Singapore không muốn mạo hiểm mà muốn chia sẻ rủi ro với các đối tác Việt Nam. Tuy nhiên, những năm gần đây, do các nhà đầu tư Singapo đã gần như quen thuộc với môi trường đầu tư Việt Nam, đồng thời do xuất hiện một số vấn đề bất cập trong quan hệ với đối tác liên doanh nên tỷ lệ dự án FDI theo hình thức 100% vốn nước ngoài tăng lên và hình thức liên doanh giảm dần, chỉ chiếm vị trí thứ hai. Hiện có 1.163 dự án, trị giá 23,4 tỷ USD, chiếm 74% tổng số dự án và 65% tổng vốn đăng ký của Singapore tại Việt Nam đang thuộc hình thức đầu tư 100% vốn nước ngoài. Số còn lại là theo hình thức liên doanh, hợp đồng hợp tác kinh doanh⁽⁶⁾.

3. Một số thách thức và triển vọng

Có thể khẳng định, trong nhiều năm qua, Việt Nam là địa chỉ khá hấp dẫn đối với các nhà đầu tư nước ngoài nói chung và Singapore nói riêng. Tuy nhiên, thực tế cho thấy, đầu tư của Singapore vào Việt Nam vẫn còn gặp nhiều thách thức. Những khó khăn ảnh hưởng tới dòng FDI từ Singapore vào Việt Nam xuất phát từ cả những

nguyên nhân chủ quan và khách quan của bối cảnh hội nhập khu vực và toàn cầu hóa.

Về mặt chủ quan, đó là những bất cập về thủ tục và văn bản pháp lý trong việc thu hút FDI từ phía Việt Nam; theo đó, các thủ tục đầu tư còn rườm rà, các văn bản pháp luật về hoạt động đầu tư nước ngoài chưa thực sự đồng bộ, rõ ràng, nhiều khi còn chồng chéo...đã tạo ra các cách hiểu khác nhau trong quá trình triển khai thực hiện ở các cấp. Bên cạnh đó, sự lúng túng trong việc sử dụng nguồn vốn đầu tư, cùng với sự yếu kém về cơ sở hạ tầng và trình độ quản lý kinh tế-kỹ thuật của phía Việt Nam đã tạo ra sự hạn chế trong việc hấp thụ nguồn vốn FDI từ đối tác Singapore.

Về mặt khách quan, những hạn chế về nguồn nhân lực cũng làm cho các dự án đầu tư của Singapore tại Việt Nam chưa phát huy được hiệu quả mong muốn. Nguồn nhân lực của Việt Nam dồi dào, giá rẻ nhưng tỷ lệ lao động qua đào tạo thấp; trong khi đó nguồn nhân lực có trình độ và kỹ năng còn thiếu, chưa đáp ứng nhu cầu lao động cho các doanh nghiệp nói chung, trong đó có doanh nghiệp FDI của Singapore. Đây là hạn chế đã tồn tại từ nhiều năm qua và hiện nay càng trở nên bức xúc khi Singapore triển khai nhiều dự án sử dụng công nghệ cao. Các nhà đầu tư Singapore cho rằng, việc thiếu công nhân lành nghề là nguyên nhân chính khiến cho đầu tư của họ tại Việt Nam không sử dụng hết công suất và đạt hiệu quả đầu tư cao như mong muốn.

Ngoài ra, một số vấn đề như phát triển công nghiệp phụ trợ, công tác xúc tiến đầu tư, chính sách ưu đãi từ phía Việt Nam, khoảng cách phát triển giữa Việt Nam và Singapore, sức ép cạnh tranh đầu tư từ các

nước và vùng lãnh thổ Đông Á khác như Nhật Bản, Hàn Quốc, Đài Loan... cũng tạo không ít thách thức cho các nhà đầu tư Singapore tại Việt Nam.

Mặc dù phải đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức trên đây, triển vọng hợp tác đầu tư giữa Việt Nam và Singapore trong thời gian tới vẫn rất sáng sủa. Đó là nhờ môi trường đầu tư của Việt Nam gần đây liên tục được cải thiện theo hướng mở cửa, thông thoáng; các khu công nghiệp của Việt Nam được xây dựng đều đáp ứng cơ bản các tiêu chuẩn quốc tế; thời gian cấp giấy phép thành lập công ty, giấy phép kinh doanh và thủ tục hải quan...được rút ngắn và được hỗ trợ ngay tại các khu công nghiệp đã giúp các nhà đầu tư Singapore có thể triển khai nhanh chóng các dự án đầu tư. Quá trình hiện đại hóa các cơ sở hạ tầng và nâng cao trình độ quản lý kinh tế-kỹ thuật đang được Việt Nam tiếp tục triển khai quyết liệt sẽ là những bước đột phá quan trọng nhằm nâng cao hiệu quả cho các dự án đầu tư.

Với nguồn nhân lực dồi dào, năng động, giá nhân công rẻ, thị trường tiêu thụ rộng lớn của hơn 90 triệu dân; cùng với chế độ chính trị ổn định, an ninh, an toàn được bảo đảm, Việt Nam đang trở thành một thị trường rất hấp dẫn đối với các nhà đầu tư nước ngoài. Hiện nay, Chính phủ Việt Nam đang và sẽ tiếp tục cải thiện chính sách, môi trường đầu tư, hoàn thiện hệ thống pháp luật nhằm đảm bảo tính công khai, minh bạch trong đầu tư; cùng với chính sách giáo dục đào tạo nhằm nâng cao chất lượng nguồn nhân lực...sẽ là các nhân tố quan trọng tạo niềm tin thu hút các nhà đầu tư Singapore và các nước khác yên tâm thực hiện các dự án đầu tư tại Việt Nam./.

CHÚ THÍCH

1. Xem: Đặng Đức Long (2004) “Đầu tư trực tiếp nước ngoài của các nước ASEAN vào Việt Nam” (Phần I và II), <http://www.hids.hochiminhcity.gov.vn>, khai thác ngày 26 tháng 11 năm 2016.
2. Dẫn theo số liệu thống kê từ Cục Đầu tư nước ngoài, Bộ Kế hoạch và Đầu tư trong 3 năm: 2006, 2007, 2008.
3. Tổng hợp theo số liệu thống kê của Cục Đầu tư nước ngoài, Bộ Kế hoạch và Đầu tư tính đến hết tháng 8/2016. Tuy nhiên, theo số liệu mới nhất từ cơ quan này, tính đến hết tháng 11/2016, trong số 68 quốc gia và vùng lãnh thổ có dự án đầu tư tại Việt Nam thì Hàn Quốc dẫn đầu với tổng vốn đầu tư đăng ký cấp mới và tăng thêm là 5,29 tỷ USD, chiếm 29,2% tổng vốn đầu tư vào Việt Nam; Singapore xếp vị trí thứ hai với 2,05 tỷ USD, chiếm 11,3%; Nhật Bản đứng vị trí thứ 3 với 1,95 tỷ USD, chiếm 10,8%, v.v. Như vậy, hiện nay Singapore đã vượt lên vị trí thứ 2 trong số các đối tác đầu tư tại Việt Nam.
4. Tổng hợp theo số liệu thống kê của Cục Đầu tư nước ngoài, Bộ Kế hoạch và Đầu tư tính đến hết tháng 8/2016.
5. Tổng hợp theo số liệu thống kê của Cục Đầu tư nước ngoài, Bộ Kế hoạch và Đầu tư tính đến hết tháng 8/2016.
6. Theo số liệu thống kê của Cục Đầu tư nước ngoài, Bộ Kế hoạch và Đầu tư tính đến hết tháng 12/2015.
7. Bộ Kế hoạch và Đầu tư (2013), “Kỷ yếu Hội nghị 25 năm đầu tư trực tiếp nước ngoài tại Việt Nam”.
8. Cục Đầu tư nước ngoài, Bộ Kế hoạch và Đầu tư (2013), “25 năm đầu tư nước ngoài: Thành tựu - Vấn đề - Triển vọng”, đăng trên website <http://www.fi.mpi.gov.vn>, khai thác ngày 04 tháng 6 năm 2016.
9. Tổng Cục thống kê (2014), “Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài giai đoạn 2006-2011”, Nxb Thống kê, Hà Nội.
10. Ngô Quang Trung (2015), “Đầu tư trực tiếp nước ngoài ở Việt Nam giai đoạn 1988-2015: Thực trạng và vấn đề”, đăng trên website, <http://ipd.org.vn>, khai thác ngày 23 tháng 7 năm 2016.
11. Số liệu về tình hình thu hút đầu tư hàng tháng các năm: 2012, 2013, 2014, 2015 và 6 tháng đầu năm 2016 của Cục Đầu tư nước ngoài, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, <http://www.fia.mpi.gov.vn>.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đỗ Thị Ngọc (1999), “Vài nét về đầu tư và pháp luật đầu tư trực tiếp nước ngoài tại các nước ASEAN”, Thông tin khoa học pháp lý, Viện nghiên cứu Khoa học Pháp lý, Bộ Tư pháp.
2. Trường Đại học Kinh tế Quốc dân (2000),